

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)  
Trụ sở chính : 131 Trần Hưng Đạo, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Điện thoại : (84.710) 3 735 677 - (84.710) 3 735 678  
Fax : (84.710) 3 735 666/ (84.780) 3 827 798  
Người thực hiện công bố thông tin: Phan Quốc Phương  
Địa chỉ : Số 151, Ấp 1- Tắc Vân - Tp. Cà Mau - Tỉnh Cà Mau.  
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0917 673 747  
Fax : (84.710) 3 735 666/ (84.780) 3 827 798  
Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

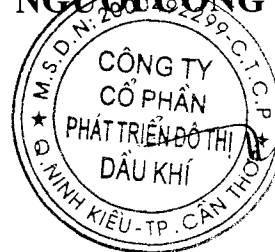
**Nội dung thông tin công bố:**

Thực hiện theo hướng dẫn về việc Công bố thông tin của UBCKNN, PVC-Mekong (MCK: PXC) CBTT Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2016 (chi tiết đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 14 tháng 8 năm 2016

**TU. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Phan Quốc Phương**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Võ Văn Hạng	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Huy	Thành viên
Ông Phí Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Quốc Huy	Giám đốc
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc
Ông Phan Thanh Sang	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

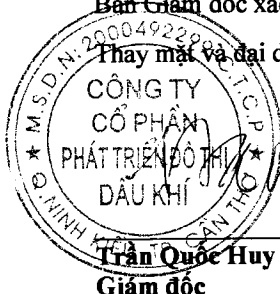
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
**Trần Quốc Huy**  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2016



Số: 225 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại các Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với phải thu khách hàng, phải thu tổ đội xây dựng, tạm ứng và ứng trước cho người bán đã quá hạn thanh toán và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cần ghi nhận trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, theo đó chưa ghi nhận vào giá vốn các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang không thể thu hồi. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định các chi phí không thể thu hồi cần ghi nhận vào giá vốn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại các Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh báo tài chính giữa niên độ, tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với (i) Oceanbank về đề nghị miễn giảm lãi vay và lãi phạt liên quan đến các khoản vay của Công ty tại Oceanbank, (ii) Cục thuế Cần Thơ và Cục thuế Cà Mau về lãi chậm trả cho khoản thuế chậm nộp và (iii) các đối tác về lãi chậm trả của khoản phải trả phí chuyên nhượng quyền sử dụng đất, phí quản lý công trình, phí thi công công trình. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Oceanbank và bất cứ khoản phạt nào có liên quan đến các khoản phải trả quá hạn nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định chi phí lãi vay, lãi phạt và lãi chậm trả cần ghi nhận trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

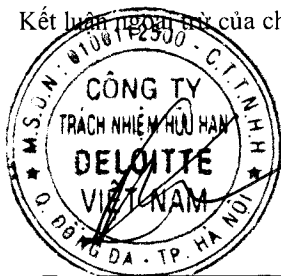
### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty phát sinh khoản lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh là khoảng 3,6 tỷ VND (chưa bao gồm ảnh hưởng của các vấn đề ngoại trừ nêu trên), lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là khoảng 298,3 tỷ VND vượt quá vốn điều lệ của Công ty. Các yếu tố này gây nên sự lo ngại về khả năng tạo tiền của Công ty để thanh toán các khoản công nợ đến hạn. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này cũng được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 01a-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>329.932.898.724</b>	<b>312.002.778.639</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>22.783.040.942</b>	<b>5.104.092.746</b>
1. Tiền	111		22.783.040.942	5.104.092.746
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>530.140.256</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	530.140.256
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>69.675.761.709</b>	<b>71.981.720.805</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	27.294.618.764	56.630.037.912
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.521.737.089	2.853.031.353
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	31.937.955.658	32.535.566.076
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(23.244.298.808)	(23.244.298.808)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.165.749.006	3.207.384.272
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>237.179.726.962</b>	<b>234.073.484.640</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	271.483.092.208	268.376.849.886
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	9	(34.303.365.246)	(34.303.365.246)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>294.369.111</b>	<b>313.340.192</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		294.369.111	313.340.192
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.441.933.955</b>	<b>18.357.429.075</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.424.263.970</b>	<b>12.167.673.896</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	11.315.680.614	12.048.090.542
- Nguyên giá	222		32.897.539.504	32.897.539.504
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.581.858.890)	(20.849.448.962)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	108.583.356	119.583.354
- Nguyên giá	228		374.860.800	374.860.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(266.277.444)	(255.277.446)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.400.000.000</b>	<b>5.400.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	5.400.000.000	5.400.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>617.669.985</b>	<b>789.755.179</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		617.669.985	789.755.179
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>347.374.832.679</b>	<b>330.360.207.714</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 01a-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2016	31/12/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>350.691.962.097</b>	<b>330.105.596.040</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>350.691.962.097</b>	<b>330.105.596.040</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	74.778.275.401	93.612.094.970
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	38.740.689.603	4.649.939.502
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	18.779.468.423	19.742.640.881
4. Phải trả người lao động	314		1.041.235.921	1.272.754.841
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	22.543.462.167	15.345.447.815
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		306.169.699	415.260.609
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	70.409.313.565	70.572.110.104
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	124.093.347.318	124.495.347.318
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(3.317.129.418)</b>	<b>254.611.674</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>(3.317.129.418)</b>	<b>254.611.674</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.689.000.000	280.689.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.689.000.000	280.689.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.126.552.489	6.126.552.489
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.147.302.725	8.147.302.725
4. (Lỗ) lũy kế	421		(298.279.984.632)	(294.708.243.540)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(294.708.243.540)	(291.520.460.346)
- (Lỗ) kỳ này	421b		(3.571.741.092)	(3.187.783.194)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>347.374.832.679</b>	<b>330.360.207.714</b>

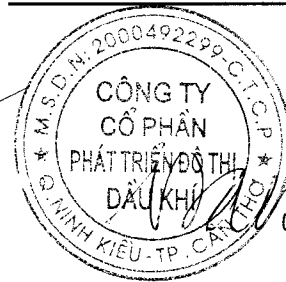


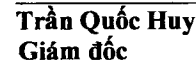
**Vũ Đức Tiên**  
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2016



**Phan Quốc Phương**  
Kế toán trưởng



  
**Trần Quốc Huy**  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 02a-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2015
			đến ngày 30/6/2016	đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	37.144.710.100	49.451.331.963
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		37.144.710.100	49.451.331.963
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	35.128.009.722	46.488.427.370
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.016.700.378	2.962.904.593
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		76.900.981	35.570.674
7. Chi phí tài chính	22		275.638.667	265.579.319
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		275.638.667	265.579.319
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.606.244.601	4.805.909.172
9. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(2.788.281.909)	(2.073.013.224)
10. Thu nhập khác	31		188.917.710	676.319.485
11. Chi phí khác	32		972.376.893	1.961.185.040
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(783.459.183)	(1.284.865.555)
13. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(3.571.741.092)	(3.357.878.779)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	431
15. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(3.571.741.092)	(3.357.879.210)
16. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(127)	(120)

Vũ Đức Tiên  
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2016

Phan Quốc Phương  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Huy  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 03a-DN**

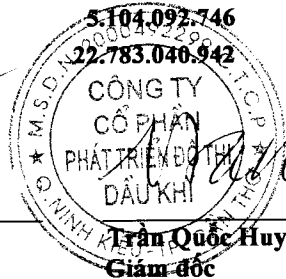
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2015
		đến ngày 30/6/2016	đến ngày 30/6/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(3.571.741.092)	(3.357.878.779)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	743.409.926	1.796.954.556
Các khoản dự phòng	03	-	(500.816.791)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(76.900.981)	(37.968.097)
Chi phí lãi vay	06	275.638.667	265.579.319
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.629.593.480)	(1.834.129.792)
Giảm các khoản phải thu	09	2.305.959.096	820.605.130
(Tăng) hàng tồn kho	10	(3.106.242.322)	(2.673.488.159)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	21.310.849.908	(4.319.965.107)
Giảm chi phí trả trước	12	191.056.275	104.430.281
Tiền lãi vay đã trả	14	(153.287.667)	(532.543.199)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	32.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(444.834.851)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>17.473.906.959</b>	<b>(8.403.090.846)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.466.662.454
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	530.140.256	-
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	76.900.981	35.570.674
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>607.041.237</b>	<b>1.502.233.128</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(402.000.000)	(523.108.347)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(402.000.000)</b>	<b>976.891.653</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>17.678.948.196</b>	<b>(5.923.966.065)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.104.092.746	7.496.805.590
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	22.783.040.942	1.572.839.525

*(Signature)*

*(Signature)*



Vũ Đức Tiến  
Người lập biểu

Phan Quốc Phương  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Huy  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MÃ SỐ B 09a-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000117 ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 2000492299 ngày 23 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 280,689 tỷ VND, tương ứng với 28.068.900 cổ phần.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty mẹ là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 108 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 93).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Tư vấn hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị; Tư vấn đầu tư xây dựng, bao gồm: khảo sát đo đạc địa hình, khảo sát địa chất công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công - lập dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình; Thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình, thẩm tra dự toán quy hoạch xây dựng và dự toán chi phí các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng; Tư vấn về đấu thầu; Giám sát khảo sát, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; Kiểm định chất lượng công trình; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tư vấn về định giá giá xây dựng công trình, lập định mức, đơn giá xây dựng công trình; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn và dầu khí, bao gồm cả hợp đồng EPC và chia khóa trao tay; Tư vấn xây dựng đơn giá định mức chuyên ngành xây dựng dầu khí; Kinh doanh vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, các khu nhà ở, cao ốc văn phòng, khu thương mại, khu công nghiệp và kinh doanh du lịch; Đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, bao gồm cả kinh doanh sản phẩm dầu khí, hóa dầu, phân bón, hóa chất; Tàng trữ và vận chuyển xăng, dầu, khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí; Chế tạo, lắp đặt và sản xuất kinh doanh thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí; Lắp đặt hệ thống thiết bị, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp; Lắp đặt các hệ thống đường ống dẫn khí, đường dây tải điện; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị xây dựng dầu khí, điện tử, thương mại và dịch vụ tổng hợp;
- Môi giới thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng;
- Kinh doanh bê tông trộn sẵn; Kinh doanh vận tải vật tư, hàng hoá, hành khách bằng đường bộ và đường thủy; Cho thuê máy móc và thiết bị chuyên dùng;
- Dịch vụ tổ chức các sự kiện; Quảng cáo và nghiên cứu thị trường; Khai thác và quản lý dịch vụ văn phòng; Dịch vụ bán lẻ; Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng công cộng; Cung cấp các dịch vụ nhà ở cao tầng; Dịch vụ vệ sinh môi trường; Quản lý khai thác dịch vụ thể thao; Đại lý xăng dầu; Giáo dục mầm non; Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Khảo sát, lập dự án thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Xây dựng điểm tọa độ, độ cao địa chính; Đo vẽ thành lập bản đồ địa hình các tỷ lệ; Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ; Thành lập bản đồ chuyên đề; Khảo sát, đo đạc công trình; Đo đạc thông số môi trường; thực hiện các dịch vụ về dự báo ô nhiễm môi trường, đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực hoạt động của Công ty.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Do đặc thù đa ngành nghề của Công ty nên chu kỳ sản xuất kinh doanh có sự thay đổi theo thời gian và theo từng lĩnh vực cụ thể. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với hoạt động xây lắp, một số công trình xây dựng công nghiệp trọng điểm, có nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước..., chu kỳ sản xuất kinh doanh có thể trên 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trong kỳ, Công ty phát sinh khoản lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh là khoảng 3,6 tỷ VND, lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là khoảng 298,3 tỷ VND vượt quá vốn điều lệ của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai, khả năng thu hồi được các khoản công nợ, chuyển nhượng được khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc khu đất Hưng Phú I và việc tiếp tục nhận được các khoản vay từ ngân hàng. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các đối tác để gia hạn nợ và hoặc thống nhất phương án trả nợ. Dựa trên kế hoạch kinh doanh trong năm 2016 và 2017, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo đó, Công ty đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của các công trình đang thi công còn đang dở dang được xác định theo chi phí thực tế đã tập hợp trong kỳ sau khi trừ đi phần chi phí đã kết chuyển vào giá vốn theo tỷ lệ giữa doanh thu và khối lượng hoàn thành nghiệm thu.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(Số năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	4 - 7
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 4

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau giao cho Công ty sử dụng vô thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước**

Các khoản trả trước bao gồm khoản chi phí thuê hoạt động và khoản mua sắm công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng ước tính.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu được ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Phần công việc phát sinh thêm, các khoản bồi thường và các khoản tiền thưởng được ghi nhận theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với phần chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà khả năng thu được là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục của tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có khoản lỗ lũy kế tính thuế chưa sử dụng là 298.279.984.632 VND. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do không chắc chắn về các khoản lợi nhuận trong tương lai. Các khoản lỗ tính thuế sẽ hết hạn trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**5. TIỀN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	579.550.686	123.211.996
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.203.490.256	4.980.880.750
	<u>22.783.040.942</u>	<u>5.104.092.746</u>

Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm 273 triệu VND là tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (“OceanBank”) - Chi nhánh Cà Mau. Theo Chỉ thị số 572/2015/CT-TGD ngày 11 tháng 02 năm 2015 của OceanBank, thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, OceanBank đang tạm dừng chi trả tiền cho các khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại OceanBank từ ngày 11 tháng 02 năm 2015. Tuy nhiên, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản OceanBank và chuyển đổi mô hình hoạt động OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 08 tháng 5 năm 2015, nên Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Công ty TNHH TTCL Việt Nam	1.234.285.843	5.988.150.718
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	16.148.087.678	35.087.234.141
Các khách hàng khác	9.912.245.243	15.554.653.053
	<u>27.294.618.764</u>	<u>56.630.037.912</u>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Phải thu các đội xây dựng (i)	23.677.740.995	23.677.740.995
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	4.917.824.644
Tạm ứng (ii)	841.832.546	1.385.233.453
Phải thu ngắn hạn khác	2.500.557.473	2.554.766.984
	<u>31.937.955.658</u>	<u>32.535.566.076</u>

(i) Thể hiện số tiền chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh tại các đội khi thi công xây dựng công trình và chi phí Công ty giao xuống các đội xây dựng. Công ty đã đánh giá thận trọng khả năng thu hồi khoản công nợ trên và đã trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản công nợ phải thu các đội xây dựng khó có khả năng thu hồi và không còn công trình dở dang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng với giá trị khoảng 17 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản phải thu các đội xây dựng còn lại sẽ được thu hồi trong thời gian tới.

(ii) Số dư tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên của Công ty thể hiện các khoản tạm ứng cho các đội xây dựng để thực hiện công trình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**8. NỢ XẤU**

Đối tượng	30/6/2016			31/12/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
<b>Phải thu, cho vay khó có khả năng</b>						
Phải thu đội xây dựng số 5	15.047.440.777	3.327.370.636	trên 3 năm	15.047.440.777	3.327.370.636	trên 3 năm
Phải thu đội xây dựng số 9	3.401.512.078	107.197.321	trên 3 năm	3.401.512.078	107.197.321	trên 3 năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	-	trên 3 năm	4.917.824.644	-	2 năm - 3 năm
Các đối tượng khác	20.786.995.471	17.474.906.205	1 năm - 3 năm	23.094.779.003	19.782.689.737	1 năm - 3 năm
	<b>44.153.772.970</b>	<b>20.909.474.162</b>		<b>46.461.556.502</b>	<b>23.217.257.694</b>	

Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản phải thu khách hàng, phải thu tổ đội xây dựng, tạm ứng và ứng trước cho người bán đã quá hạn thanh toán theo các hợp đồng kinh tế. Nếu tính theo tuổi nợ quá hạn của các khoản phải thu thì số dự phòng cần trích lập thêm tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là khoảng 8,2 tỷ VND như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các khoản phải thu này sẽ thu hồi được trong thời gian tới.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.300.893.263	-	2.300.893.263	-
Công cụ, dụng cụ	285.229.232	-	452.021.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	13.915.030.969	-	10.641.996.334	-
Thành phẩm	158.258.858	-	158.258.858	-
Hàng hóa	254.823.679.886	-	254.823.679.886	-
- Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu (ii)	217.748.615.422	(34.303.365.246)	217.748.615.422	(34.303.365.246)
- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất khu đất Hưng Phú I (iii)	37.075.064.464	-	37.075.064.464	-
	<b>271.483.092.208</b>	<b>(34.303.365.246)</b>	<b>268.376.849.886</b>	<b>(34.303.365.246)</b>

(i) Bao gồm 5.299.663.551 VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các đội xây dựng và xí nghiệp tư vấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.682.240.121 VND). Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này, nên chưa ghi nhận vào giá vốn các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang không thể thu hồi.

(ii) Phản ánh giá trị hàng hóa bất động sản đầu tư tại Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu. Công ty đang trong quá trình làm việc với các đối tác để thực hiện chuyển nhượng công trình này và Ban Giám đốc tin tưởng rằng sẽ không phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho công trình này trong tương lai. Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp giá trị hàng hóa này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

(iii) Phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và các tài sản khác trên đất theo Hợp đồng nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất từ Công ty TNHH Phát triển và Kinh doanh nhà thành phố Cần Thơ đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác tại địa chỉ Khu dân cư Hưng Phú I (lô số 3A), Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ gắn liền với đất, số phát hành BĐ 053084, số vào sổ cấp GCN: CT02504 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30 tháng 12 năm 2011 với giá trị 41.303.250.000 VND (bao gồm thuế giá trị gia tăng). Theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 13/11/1021/BDS tại ngày 19 tháng 11 năm 2013 của một đơn vị định giá độc lập, giá trị thẩm định của bất động sản đầu tư trên là 46.149.498.000 VND. Công ty đã thế chấp giá trị tài sản này để đảm bảo cho các khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 6 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng mua bán tài sản đầu giá số 30/2016/HĐ-MB với Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Bất động sản Nguyên Tâm và ông Châu Hải Lợi. Theo đó, các bên thống nhất chuyển giao khu đất Hưng Phú với giá trị chuyển nhượng là 41.353.250.000 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình tiến hành các thủ tục xử lý các vấn đề pháp lý để chuyển giao quyền sử dụng đất cho bên mua.

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	16.667.966.349	3.034.279.742	11.782.408.276	1.412.885.137	32.897.539.504
Tại ngày 30/6/2016	16.667.966.349	3.034.279.742	11.782.408.276	1.412.885.137	32.897.539.504
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	5.523.748.659	2.767.807.757	11.196.263.570	1.361.628.976	20.849.448.962
Trích khấu hao trong kỳ	475.876.712	71.500.692	182.052.372	2.980.152	732.409.928
Tại ngày 30/6/2016	5.999.625.371	2.839.308.449	11.378.315.942	1.364.609.128	21.581.858.890
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2016	10.668.340.978	194.971.293	404.092.334	48.276.009	11.315.680.614
Tại ngày 31/12/2015	11.144.217.690	266.471.985	586.144.706	51.256.161	12.048.090.542

Nguyên giá của tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 9.319.577.141 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 7.053.485.677 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	101.250.000	273.610.800	374.860.800
Tại ngày 30/6/2016	101.250.000	273.610.800	374.860.800
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	-	255.277.446	255.277.446
Trích khấu hao trong kỳ	-	10.999.998	10.999.998
Tại ngày 30/6/2016	-	266.277.444	266.277.444
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2016	101.250.000	7.333.356	108.583.356
Tại ngày 31/12/2015	101.250.000	18.333.354	119.583.354

**12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư mua 450.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (Công ty 3C) theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty chưa thu thập được đầy đủ thông tin về Công ty 3C, theo đó, chưa trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh Nhà Thành phố Cần Thơ (i)	11.303.250.000	11.303.250.000	11.303.250.000	11.303.250.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.515.459.814	1.515.459.814	1.593.959.814	1.593.959.814
Các đối tượng khác	61.959.565.587	61.959.565.587	80.714.885.156	80.714.885.156
	<b>74.778.275.401</b>	<b>74.778.275.401</b>	<b>93.612.094.970</b>	<b>93.612.094.970</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh Nhà Thành phố Cần Thơ (i)	11.303.250.000	11.303.250.000	11.303.250.000	11.303.250.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.515.459.814	1.515.459.814	1.593.959.814	1.593.959.814
Các đối tượng khác	38.808.244.670	38.808.244.670	46.893.872.385	46.893.872.385
	<b>51.626.954.484</b>	<b>51.626.954.484</b>	<b>59.791.082.199</b>	<b>59.791.082.199</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>2.253.632.514</b>	<b>2.253.632.514</b>	<b>2.332.132.514</b>	<b>2.332.132.514</b>

- (i) Thể hiện khoản phải trả Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh Nhà thành phố Cần Thơ liên quan đến Hợp đồng số 176/HĐ-KDN ngày 25 tháng 9 năm 2009 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu dân cư Hưng Phú 1 tọa lạc trên trục đường A1, diện tích 9.178,5m<sup>2</sup>. Khoản phải trả đã quá hạn thanh toán và chịu lãi suất quá hạn từ ngày 01 tháng 4 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	35.735.253.340	-
Các khách hàng khác	3.005.436.263	4.649.939.502
	<u><b>38.740.689.603</b></u>	<u><b>4.649.939.502</b></u>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Phát sinh trong kỳ				30/6/2016
	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Bù trừ	
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11.733.432.467	1.544.079.751	1.027.101.005	(1.752.487.343)	10.497.923.870
- Thuế GTGT đầu ra	11.733.432.467	1.544.079.751	1.027.101.005	(1.752.487.343)	10.497.923.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp	875.340.746	-	-	-	875.340.746
Các loại thuế khác	7.133.867.668	288.697.773	16.361.634	-	7.406.203.807
Thuế môn bài	114.251.072	14.000.000	14.000.000	-	114.251.072
Thuế thu nhập cá nhân	1.007.299.557	274.697.773	2.361.634	-	1.279.635.696
Thuế khác	6.012.317.039	-	-	-	6.012.317.039
	<u><b>19.742.640.881</b></u>	<u><b>1.832.777.524</b></u>	<u><b>1.043.462.639</b></u>	<u><b>(1.752.487.343)</b></u>	<u><b>18.779.468.423</b></u>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	7.842.586.060	7.842.586.060
Trích trước chi phí thi công công trình	11.034.493.360	4.240.117.808
Chi phí phải trả khác	3.666.382.747	3.262.743.947
	<u><b>22.543.462.167</b></u>	<u><b>15.345.447.815</b></u>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	544.884.167	540.344.828
Bảo hiểm xã hội	709.380.144	776.161.187
Bảo hiểm y tế	180.132.788	111.124.332
Bảo hiểm thất nghiệp	82.628.134	51.957.694
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	429.013.952	429.013.952
Ban Quản lý Dự án Khí Điện Đạm Cà Mau (i)	8.697.686.626	8.697.686.626
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	5.400.000.000	5.400.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.365.587.754	4.565.821.485
	<u><b>70.409.313.565</b></u>	<u><b>70.572.110.104</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

- (i) Thể hiện số phải trả tiền nhận ứng trước lớn hơn giá trị quyết toán các công trình Công ty đã thi công cho Ban Quản lý Dự án Khí Điện Đạm Cà Mau.
- (ii) Phải trả khác liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư của dự án Bạc Liêu Tower. Công ty có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (PVGas) số tiền là 50.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển đổi chủ đầu tư Dự án Bạc Liêu Tower ngày 12 tháng 8 năm 2010 ký giữa Công ty và PVGas. Theo Biên bản làm việc 3 bên giữa UBND tỉnh Bạc Liêu, PVGas và Công ty về phương án chuyển nhượng tòa nhà Bạc Liêu Tower, số tiền trên sẽ được thanh toán thông qua việc đối trừ với số tiền PVGas mua lại tòa nhà Bạc Liêu Tower từ Công ty.
- (iii) Khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về nhận chuyển nhượng khoản đầu tư mua 450.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C như trình bày tại Thuyết minh số 12.

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	01/01/2016		Phát sinh trong kỳ		30/6/2016	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	124.495.347.318	124.495.347.318	-	402.000.000	124.093.347.318	124.093.347.318
	<b>124.495.347.318</b>	<b>124.495.347.318</b>	<b>-</b>	<b>402.000.000</b>	<b>124.093.347.318</b>	<b>124.093.347.318</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (i)	119.539.630.318	119.539.630.318
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Cà Mau	1.473.717.000	1.473.717.000
Các đối tượng khác	3.080.000.000	3.482.000.000
	<b>124.093.347.318</b>	<b>124.495.347.318</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (“Oceanbank”) - Chi nhánh Cà Mau theo Hợp đồng tín dụng số 001-0012/2013/HDTDHM1-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013, với hạn mức vay là 120 tỷ VND, thời hạn cung cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất có diện tích 2.812,2 m<sup>2</sup> của Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu như đã trình bày tại Thuyết minh số 9.

Công ty thực hiện đàm phán với Oceanbank về việc đề nghị miễn giảm lãi vay và lãi phạt liên quan đến các khoản vay của Công ty tại Oceanbank. Tại đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty và Oceanbank chưa xác định và thống nhất số lãi vay và lãi phạt được miễn giảm theo quy định của OceanBank và được sự cho phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tổng số lãi vay và lãi phạt chậm trả theo Thông báo của Oceanbank xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là khoảng 36,6 tỷ VND, trong đó Công ty đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm trước với số tiền 7,8 tỷ VND và còn 28,8 tỷ VND chưa được ghi nhận vào báo cáo tài chính của Công ty. Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với Oceanbank và các bên liên quan về số lãi vay và lãi phạt chậm trả cần ghi nhận trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Vốn khác	Quý đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	của chủ sở hữu	của chủ sở hữu	phát triển	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(291.520.460.346)	3.442.394.868
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(3.357.879.210)	(3.357.879.210)
Số dư tại ngày 30/6/2015	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(294.878.339.556)	84.515.658
Số dư tại ngày 01/01/2016	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(294.708.243.540)	254.611.674
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(3.571.741.092)	(3.571.741.092)
Số dư tại ngày 30/6/2016	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(298.279.984.632)	(3.317.129.418)

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 280.689.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi		Vốn đã góp tại ngày			
	VND	%	30/6/2016	%	31/12/2015	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%
Cổ đông khác	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%
	<b>280.689.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>280.689.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>280.689.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	30/6/2016	31/12/2015
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	28.068.900	28.068.900
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	28.068.900	28.068.900

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn và dầu khí. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**21. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động tư vấn	916.742.727	48.636.364
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.962.072.681	7.959.971.543
- Doanh thu hoạt động xây lắp	32.080.189.321	40.386.247.989
Doanh thu khác	1.185.705.371	1.056.476.067
	<u>37.144.710.100</u>	<u>49.451.331.963</u>
<b>Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<u>32.316.708.929</u>	<u>27.948.989.456</u>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động tư vấn	733.363.636	46.204.545
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.706.989.097	7.737.250.214
Giá vốn hoạt động xây lắp	30.588.178.784	37.580.369.528
Giá vốn khác	1.099.478.205	1.124.603.083
	<u>35.128.009.722</u>	<u>46.488.427.370</u>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.312.114.204	25.427.709.840
Chi phí nhân công	6.659.229.183	14.438.161.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	481.269.170	1.796.954.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.367.669.880	1.594.865.723
Chi phí khác bằng tiền	9.924.865.765	11.291.552.734
	<u>42.745.148.202</u>	<u>54.549.244.292</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
(Lỗ) trước thuế	(3.571.741.092)	(3.357.878.779)
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>951.912.883</b>	<b>1.514.552.811</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	951.912.883	1.514.552.811
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(2.619.828.209)</b>	<b>(1.843.325.968)</b>
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp của Xí nghiệp tư vấn	-	431
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>431</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**25. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
(Lỗ) để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(3.571.741.092)	(3.357.879.210)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	28.068.900	28.068.900
<b>(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(127)</b>	<b>(120)</b>

**26. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản phải trả đã quá hạn thanh toán bao gồm phải trả tiền phạt theo quyết định xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính của Cục thuế Cần Thơ ngày 19 tháng 11 năm 2013, các khoản phải trả tiền phạt và tiền chậm nộp nợ thuế theo Thông báo số 3523/TB-CT ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Cục thuế Cần Thơ và Công văn số 616/CT-QLN ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Cục thuế Cà Mau, phải trả phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất, phí quản lý công trình, phí thi công công trình... cho các đối tác. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với Cục thuế Cần Thơ, Cục thuế Cà Mau và các đối tác về số tiền phạt, lãi chậm trả có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến các vấn đề nêu trên. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền phạt, lãi chậm trả (nếu có) không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và (lỗ) lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	124.093.347.318	124.495.347.318
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	22.783.040.942	5.104.092.746
Nợ thuần	101.310.306.376	119.391.254.572
Vốn chủ sở hữu	(3.317.129.418)	254.611.674
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>469</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	22.783.040.942	5.104.092.746
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	530.140.256
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.228.618.424	59.618.247.083
Đầu tư tài chính dài hạn	5.400.000.000	5.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.411.659.366</b>	<b>70.652.480.085</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	124.093.347.318	124.495.347.318
Phải trả người bán và phải trả khác	93.670.563.733	112.704.617.033
Chi phí phải trả	22.543.462.167	15.345.447.815
<b>Tổng cộng</b>	<b>240.307.373.218</b>	<b>252.545.412.166</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về lãi suất hay giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ kế toán, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì (lỗ) trước thuế của Công ty sẽ (tăng)/giảm 1.240.933.473 VND (từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: 1.258.966.303 VND).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lỗ trước thuế</u>
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016		VND
VND		
VND	+200	(1.240.933.473)
	-200	1.240.933.473
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015		
VND		
VND	+200	(1.258.966.303)
	-200	1.258.966.303

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã đầu tư mua 450.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C với số tiền là 5.400.000.000 VND (mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan và các khách hàng lớn. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan và các khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 6.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

30/6/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	22.783.040.942	-	22.783.040.942
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.228.618.424	-	30.228.618.424
Đầu tư tài chính dài hạn	-	5.400.000.000	5.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.011.659.366</b>	<b>5.400.000.000</b>	<b>58.411.659.366</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	124.093.347.318	-	124.093.347.318
Phải trả người bán và phải trả khác	93.670.563.733	-	93.670.563.733
Chi phí phải trả	22.543.462.167	-	22.543.462.167
<b>Tổng cộng</b>	<b>240.307.373.218</b>	<b>-</b>	<b>240.307.373.218</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(187.295.713.852)</b>	<b>5.400.000.000</b>	<b>(181.895.713.852)</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	5.104.092.746	-	5.104.092.746
Đầu tư tài chính ngắn hạn	530.140.256	-	530.140.256
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.618.247.083	-	59.618.247.083
Đầu tư tài chính dài hạn	-	5.400.000.000	5.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.252.480.085</b>	<b>5.400.000.000</b>	<b>70.652.480.085</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	124.495.347.318	-	124.495.347.318
Phải trả người bán và phải trả khác	112.704.617.033	-	112.704.617.033
Chi phí phải trả	15.345.447.815	-	15.345.447.815
<b>Tổng cộng</b>	<b>252.545.412.166</b>	<b>-</b>	<b>252.545.412.166</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(187.292.932.081)</b>	<b>5.400.000.000</b>	<b>(181.892.932.081)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, công nợ tài chính ngắn hạn lớn hơn tài sản tài chính ngắn hạn với số tiền là 187.295.713.852 VND. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Khả năng bù đắp phần thanh khoản thuần âm của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai, khả năng thu hồi được các khoản công nợ, chuyển nhượng được khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc khu đất Hưng Phú I và việc tiếp tục nhận được các khoản vay từ ngân hàng. Dựa trên kế hoạch kinh doanh trong năm 2016 và 2017, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	Chủ sở hữu
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Liên doanh Việt - Nga Vietsovet	Công ty mẹ của cả Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Quản lý Dự án Khí Điện Đạm Cà Mau	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

**Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Từ ngày 01/01/2016</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015</b>
	<b>đến ngày 30/6/2016</b>	<b>đến ngày 30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>32.316.708.929</b>	<b>27.948.989.456</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	21.432.632.793	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.664.943.246	5.147.695.882
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	2.618.477.942	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành dự án Ban phía Nam	714.110.320	7.845.156.232
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	(113.455.372)	(505.641.594)
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	2.082.038.262
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	-	215.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	318.489.706
Liên doanh Việt - Nga Vietsovet	-	12.846.250.968
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>411.048.000</b>	<b>218.449.383</b>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	411.048.000	218.449.383

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:*

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>16.148.087.678</b>	<b>35.087.234.141</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.571.456.464	14.020.016.402
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành dự án phía Nam	3.934.425.098	11.023.856.604
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	1.968.794.894	1.968.794.894
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	1.626.330.326	5.675.491.490
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	509.563.065	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	275.905.944	314.043.875
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	180.462.054	180.462.054
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	81.149.833	1.010.621.232
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú I	-	591.197.590
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu I	-	302.750.000
<b>Khách hàng ứng trước</b>	<b>37.992.863.340</b>	<b>2.823.557.239</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	35.735.253.340	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành dự án phía Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	257.610.000	823.557.239
<b>Phải trả khác</b>	<b>64.097.686.626</b>	<b>64.097.686.626</b>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	50.000.000.000	50.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.400.000.000	5.400.000.000
Ban Quản lý Dự án Khí Điện Đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>2.253.632.514</b>	<b>2.332.132.514</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.515.459.814	1.593.959.814
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	738.172.700	738.172.700

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty đã được soát xét.

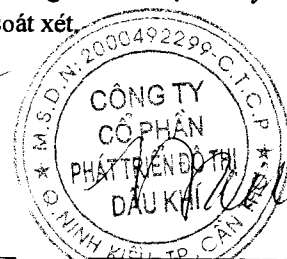


**Vũ Đức Tiên**  
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2016



**Phan Quốc Phương**  
Kế toán trưởng



**Trần Quốc Huy**  
Giám đốc